

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 14/2018/HNST

Ngày: 13-02- 2018

V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vương
2. Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 248/2017/TLST- HNGĐ ngày 20/7/2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Minh H, sinh năm 1965(có mặt).

Địa chỉ: Tổ n, ấp l, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ n, ấp l, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Bình Phước (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp m, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trịnh Minh H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Minh H và bà Hồ Thị T trước đây có tự nguyện tìm hiểu và sau đó chung sống cùng nhau vào năm 1984 có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là ông H chơi bài bạc nên phải bán tài sản của gia đình để trả nợ, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trịnh Minh H yêu cầu được ly hôn với bà Hồ Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Minh M, sinh năm 1985 và Trịnh Minh B, sinh năm 1987. Do các con đã thành niên nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 thửa đất có diện tích khoảng 3000m² tọa lạc tại ấp n, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước; 01 thửa đất có diện tích khoảng hơn 3ha tọa lạc tại xã L, huyện K, tỉnh Bình Phước; 01 bộ bàn ghế và 01 cái tủ. Khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận về phần tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền 12.000.000đ, nợ Hội đồng hương số tiền 10.000.000đ, nợ tiền họ số tiền 8.000.000đ. Ông H đã nhận được văn bản yêu cầu cung cấp họ tên, địa chỉ của chủ nợ, tuy nhiên ông H không xác định được ai là người đại diện của họ và hội đồng hương nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với số nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H: ông H đã trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng, hiện nay không còn nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hồ Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T và ông Trịnh Minh H trước đây có tự nguyện tìm hiểu và chung sống cùng nhau vào năm 1984; vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bán tài sản của gia đình để tiêu xài và đánh đề. Trước yêu cầu ly hôn của ông H thì bà T không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Minh M, sinh năm 1985 và Trịnh Minh B, sinh năm 1987. Do các con đã thành niên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Đối với phần tài sản chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T trình bày trong quá trình chung sống, bà T có đóng góp số tiền khoảng 30.000.000đ để xây nhà họ, nhà này hiện nay đứng tên ông H. Do bà T chưa xác định được rõ số lượng tài sản nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Sau này, nếu có căn cứ bà T sẽ khởi kiện thành 01 vụ án khác.

Về nợ chung: có vay nợ Hội đồng hương 10.000.000đ, vay nợ của họ số tiền khoảng 10.000.000đ và nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền 12.000.000đ, bà T không có ý kiến gì về các khoản nợ này, ông H có trách nhiệm trả một mình các khoản nợ này.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H có ý kiến:

Ngày 22/10/2015 ông H và bà T có vay Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền 12.000.000đ theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Hạn trả là ngày 07/10/2020. Do ông Trịnh Minh H và bà Hồ Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên phía Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trịnh Minh H, bà Hồ Thị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hôn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh H, cho ông H được ly hôn với bà T; các con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét, giải quyết;

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Trong vụ án này, ông Trịnh Minh H khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Hồ Thị T hiện cư trú tại xã Đ, huyện H. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Bình Phước có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, ông Trịnh Minh H và bà Hồ Thị T đều xác định việc hôn nhân giữa ông bà là tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Qu, tỉnh A vào năm 1984 (giấy chứng nhận kết hôn đã mất). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, hay đánh bài, bán tài sản của gia đình để trả nợ, hiện nay ông bà không còn chung sống cùng nhau nữa.

Đó là lý do và nguyên nhân mà ông Trịnh Minh H làm đơn yêu cầu ly hôn với bà T.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Căn cứ theo công văn trả lời số 105/UBND ngày 05/12/2017 của UBND xã Q có nội dung: *“Tàng thư về đăng ký hộ tịch từ năm 1989 trở về trước bị thất lạc không tra cứu được. Nên tàng thư về đăng ký kết hôn của bà Hồ Thị T và ông Trịnh Minh H không còn tìm thấy”*. Tuy nhiên; Theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, Điều 3 Chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 thì trường hợp của ông Trịnh Minh H và bà Hồ Thị T được coi là hôn nhân thực tế, khi ông H yêu cầu giải quyết ly hôn với bà T Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2017, chính quyền địa phương có xác nhận vợ chồng ông H, bà T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H chơi bài bạc dẫn đến nợ nần phải bán tài sản để trả nợ, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Đồng thời, tuy bà T không đồng ý ly hôn nhưng cả ông H và bà T đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã không còn chung sống cùng nhau, tại phiên tòa ông H cũng cương quyết ly hôn, không muốn đoàn tụ với bà T. Trong nội dung thẩm vấn tại tòa, bà T đã bày tỏ ý kiến về tình cảm cá nhân thực tế bà không còn yêu thương gì ông H nhưng nếu ông H muốn ly hôn với bà thì ông phải xây cho bà một căn nhà trị giá ước tính 50.000.000đ thì bà đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà T.

[2] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Trịnh Minh M, sinh năm 1985 và Trịnh Minh B, sinh năm 1987, do các con đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung*: Tại phiên tòa, ông H và bà T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Minh H và bà Hồ Thị T xác nhận hiện nay nợ Hội đồng hương số tiền 10.000.000đ, nợ tiền họ số tiền 8.000.000đ. Tòa án đã có thông báo về việc cung cấp chứng cứ số 01/TB-TA ngày 22/11/2017 về việc cung cấp thông tin, địa chỉ của những người cho vay nợ, tuy nhiên ông H và bà T đều không cung cấp được họ, tên và địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, giải quyết.

Đối với khoản nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H: Ngày 01/12/2017 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H đã có đơn khởi kiện độc lập về việc yêu cầu vợ chồng ông H và bà T có trách nhiệm trả số tiền vay 12.000.000đ và lãi phát sinh.

Trong thời gian chờ xét xử, ông Trịnh Minh H đã trả xong toàn bộ số tiền lãi và gốc. Ngày 09/01/2018, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông H, bà T nên cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí: Ông Trịnh Minh H phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Minh H được ly hôn với bà Hồ Thị T.

- Về con chung: Các con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Bình Phước đối với ông Trịnh Minh H và bà Hồ Thị T.

[3] Về án phí:

Ông Trịnh Minh H phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012239 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thành Liêm